

Phụ lục 1

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ**

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Lĩnh vực	Kế hoạch vốn 2021-2025	Kế hoạch vốn 2021-2025 điều chỉnh	Số vốn bổ sung tăng
<u>A</u>	<u>TỔNG MỨC VỐN</u>	<u>24.062.155</u>	<u>25.399.374</u>	<u>1.337.219</u>
I	Vốn cân đối ngân sách địa phương	17.449.000	18.038.342	589.342
1	Vốn ngân sách tập trung	6.637.000	6.637.000	0
2	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.287.000	3.287.000	0
3	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết	7.525.000	7.525.000	0
4	Vốn số dư dự toán năm 2020		70.000	70.000
5	Tăng thu xổ số kiến thiết năm 2020		480.565	480.565
6	Thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương		38.777	38.777
II	Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ	6.613.155	7.361.032	747.877
1	Vốn trong nước	5.806.155	6.264.032	457.877
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</i>		457.877	457.877
2	Vốn nước ngoài (ODA)	807.000	807.000	0
3	Vốn Chương trình phục hồi và phát triển Kinh tế - Xã hội		290.000	290.000

Phụ lục 02

DANH MỤC, MỨC VỐN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (ĐỢT 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú	
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:						Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
	TỔNG SỐ				13.221.330	3.648.700	514.000	3.134.700	0	0	0	5.537.810	533.500	3.267.091	1.147.877	70.000	480.565	38.777	
	Thực hiện đầu tư				13.221.330	3.648.700	514.000	3.134.700	0	0	0	5.537.810	533.500	3.267.091	1.147.877	70.000	480.565	38.777	
1	Quốc phòng				4.527	0	0	0	0			4.500	4.500	0	0				
2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				3.842.361	2.242.500	0	2.242.500	0	0	0	2.403.226	0	2.344.061	0	0	59.165	0	
3	Y tế, dân số và gia đình				2.066.871	18.700	0	18.700	0	0	0	178.054	0	18.700	0	0	159.354	0	
4	Bảo vệ môi trường				1.354.263	0	0	0	0	0	0	479.200	0	0	400.000	0	79.200	0	
a	Môi trường				1.354.263	0	0	0	0	0	0	479.200	0	0	400.000	0	79.200	0	
5	Các hoạt động kinh tế				5.335.472	1.287.500	464.000	823.500	0	0	0	1.894.311	479.000	854.330	290.000	49.358	182.846	38.777	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				1.851.937	152.500	0	152.500	0	0	0	534.534	15.000	168.686	290.000	2.678	58.170	0	
	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				731.944	264.000	264.000	0	0	0	0	337.000	264.000	9.100	0	38.900	0	25.000	
	Giao thông				2.751.591	871.000	200.000	671.000	0	0	0	1.022.777	200.000	676.544	0	7.780	124.676	13.777	
6	Xã hội				9.959	0	0	0	0	0	0	8.000	0	0	0	8.000	0	0	
7	Chương trình mục tiêu Quốc gia				457.877	0	0	0	0	0	0	457.877	0	0	457.877	0	0	0	
8	Thanh toán chi phí tất toán công trình				150.000	100.000	50.000	50.000	0	0	0	112.642	50.000	50.000	0	12.642	0	0	
	Cụ thể như sau:																		
A	Thực hiện dự án				12.763.453	3.648.700	514.000	3.134.700	0	0	0	5.079.933	533.500	3.267.091	690.000	70.000	480.565	38.777	
I	Quốc phòng				4.527	0	0	0	0	0	0	4.500	4.500	0	0	0	0	0	
a	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				4.527	0	0	0	0	0	0	4.500	4.500	0	0	0	0	0	
	Nhóm C				4.527	0	0	0	0	0	0	4.500	4.500	0	0	0	0	0	
1	Nhà truyền thống Bộ CHQS tỉnh Đồng Tháp	Bộ CHQS Tỉnh	2022-2023	743/QĐ-UBND-HC ngày 11/7/2022 của UBND Tỉnh	4.527	0						4.500	4.500						
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				3.842.361	2.242.500	0	2.242.500	0	0	0	2.403.226	0	2.344.061	0	0	59.165	0	
a	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				76.184	24.200	0	24.200	0	0	0	38.561	0	38.561	0	0	0	0	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:					Nguồn thu có phân hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
	Nhóm C				76.184	24.200	0	24.200	0	0	0	38.561	0	38.561	0	0	0	0	
1	- Trường TH Thường Lạc 2 (tên cũ: Trường TH Thường Thới Hậu B2)	UBND huyện Hồng Ngự	2019-2022	Số 3753/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 1870/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	18.201	4.000		4.000				6.911		6.911					
2	- Trường THCS Thường Phước 1	UBND huyện Hồng Ngự	2019-2022	Số 3754/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 1871/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	37.016	15.200		15.200				22.600		22.600					
3	- Trường THCS Thường Thới Hậu A	UBND huyện Hồng Ngự	2019-2022	Số 3752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 1869/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	20.967	5.000		5.000				9.050		9.050					
b	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				3.766.177	2.218.300	0	2.218.300	0	0	0	2.364.665	0	2.305.500	0	0	59.165	0	
1	Chương trình Đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	Sở GD&ĐT chủ trương trình	2021-2025	385/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND Tỉnh	3.617.676	2.181.000		2.181.000				2.217.365		2.181.000			36.365		
	Nhóm C				148.501	37.300	0	37.300	0	0	0	147.300	0	124.500	0	0	22.800	0	
1	Dự án Mua sắm thiết bị bàn ghế học sinh phổ thông	Sở GD&ĐT	2021-2023	1954/QĐ-UBND.HC ngày 25/12/2020 của UBND Tỉnh	41.504	37.300		37.300				41.300		37.300			4.000		
2	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1	Sở GD&ĐT	2021-2022	Số 608/QĐ-UBND.HC, ngày 13/6/2022 của UBND Tỉnh	31.203							31.000		25.500		0	5.500		
3	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2	Sở GD&ĐT	2021-2022	Số 609/QĐ-UBND.HC, ngày 13/6/2022 của UBND Tỉnh	36.934							36.500		30.000		0	6.500		
4	Dự án Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6	Sở GD&ĐT	2021-2022	Số 610/QĐ-UBND.HC, ngày 13/6/2022 của UBND Tỉnh	38.860							38.500		31.700		0	6.800		
III	Y tế, dân số và gia đình				2.066.871	18.700	0	18.700	0	0	0	178.054	0	18.700	0	0	159.354	0	
a	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				1.724.105	0	0	0	0	0	0	159.354	0	0	0	0	159.354	0	
	Nhóm A				1.724.105	0	0	0	0	0	0	159.354	0	0	0	0	159.354	0	
1	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Sở Y tế	2017-2022	866/QĐ-UBND-HC ngày 31/7/2017, 827/QĐ-UBND ngày 13/8/2020, 333/QĐ-UBND-HC ngày 7/4/2022 của UBND Tỉnh	1.724.105							159.354					159.354		

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:					Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dư dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dư dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
b	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				342.766	18.700	0	18.700	0	0	0	18.700	0	18.700	0	0	0	0	
	Nhóm B				342.766	18.700	0	18.700	0	0	0	18.700	0	18.700	0	0	0	0	
1	Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 02 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	2022 - 2023	965/QĐ-UBND.HC ngày 25/8/2022 (QĐ.CTĐT); 1071/QĐ-UBND.HC ngày 04/10/2022 (QĐĐT) của UBND Tỉnh	171.383	0						18.700		18.700					
2	Đầu tư nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò	Ban QLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	2022 - 2023	768/QĐ-UBND-HC ngày 14/07/2022 của UBND Tỉnh	74.475	3.000		3.000				0							
3	Đầu tư nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng □	Ban QLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	2022 - 2023	769/QĐ-UBND-HC ngày 14/07/2022 của UBND Tỉnh	96.908	15.700		15.700				0							
IV	Bảo vệ môi trường				1.354.263	0	0	0	0	0	0	479.200	0	0	400.000	0	79.200	0	
a	Môi trường				1.354.263	0	0	0	0	0	0	479.200	0	0	400.000	0	79.200	0	
a.1	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				558.367	0	0	0	0	0	0	79.200	0	0	0	0	79.200	0	
	Nhóm B				558.367	0	0	0	0	0	0	79.200	0	0	0	0	79.200	0	
1	Phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ dân cư tại các khu vực xung yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh	2017- 2021	1900/QĐ-UBND.HC ngày 14/12/2021 của UBND Tỉnh	167.257							7.200					7.200		
2	Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, TPCL (GD1)	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT Tỉnh; Trung tâm Phát triển Quỹ đất - Sở TN&MT	2018- 2022	1744/QĐ-UBND.HC ngày 17/11/2021; 2006/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2021 của UBND Tỉnh	391.110							72.000					72.000		
a.2	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				795.896	0	0	0	0			400.000	0	0	400.000				
	Nhóm B				795.896	0	0	0	0			400.000	0	0	400.000				
1	Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, Thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT; TT PTQĐ-Sở TNMT	2022- 2025	942/QĐ-UBND-HC ngày 14/7/2021 của UBND Tỉnh	795.896	0						400.000			400.000				

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:					Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
V	Các hoạt động kinh tế				5.335.472	1.287.500	464.000	823.500	0	0	0	1.894.311	479.000	854.330	290.000	49.358	182.846	38.777	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				1.851.937	152.500	0	152.500	0	0	0	534.534	15.000	168.686	290.000	2.678	58.170	0	
a.1	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				1.114.816	82.500	0	82.500	0	0	0	133.134	0	101.800	0	2.678	28.656	0	
	Nhóm B				1.063.710	82.500	0	82.500	0	0	0	130.456	0	101.800	0	0	28.656	0	
1	Bổ trí ổn định dân cư Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân Hồng	UBND huyện Tân Hồng	2020-2023	761/QĐ-UBND.HC ngày 27/5/2020; 940/QĐ-UBND-HC ngày 14/07/2021 và 1137/QĐ-UBND-HC ngày 18/10/2022 (ĐC CTĐT) của UBND Tỉnh	79.530	0						15.000		15.000					
2	Hệ thống đê bao nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	UBND huyện Tam Nông	2018-2023	1310/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh; 31/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND Tỉnh (ĐC CTĐT)	251.161	0						4.300		4.300					
3	- Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9 + Tiểu dự án Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp	Sở NN&PTNT	2016-2022	1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT; 1251/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND Tỉnh	664.300	82.500		82.500				101.156		82.500		0	18.656		
4	Bổ trí ổn định dân cư Giồng Dúi - Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự (dân di cư tự do từ Campuchia)	UBND HHN	2020-2022	768/QĐ-UBND-HC ngày 28/05/2020; 939/QĐ-UBND-HC ngày 14/07/2021 của UBND Tỉnh	68.719							10.000		0		0	10.000		
	Nhóm C				51.106	0	0	0	0	0	0	2.678	0	0	0	2.678	0	0	
1	- Hạ tầng phát triển du lịch sinh thái bền vững Vườn quốc gia Tràm Chim, giai đoạn 2016-2020	VQG Tràm Chim	2016-2021	955/QĐ-UBND-HC ngày 16/07/2021 của UBND Tỉnh	51.106							2.678				2.678			
a.2	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				737.121	70.000	0	70.000	0	0	0	401.400	15.000	66.886	290.000	0	29.514	0	
	Nhóm B				689.977	70.000	0	70.000	0	0	0	375.000	15.000	48.486	290.000	0	21.514	0	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:					Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dư dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dư dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Bổ trí dân cư tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	Sở Xây dựng	2022-2025	983/QĐ-UBND-HC ngày 21/07/2021; 1030/QĐ-UBND-HC ngày 28/07/2021 và 1068/QĐ-UBND-HC ngày 03/10/2022 (ĐC CTĐT) của UBND Tỉnh	290.900	0						15.000	15.000						
2	Xử lý cấp bách sạt lở sông Tiền khu vực xã Tân Mỹ, xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Ban QLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT	2022 - 2023	192/QĐ-UBND.HC ngày 04/3/2022 (công bố tình huống khẩn cấp sạt lở); 638/QĐ-UBND.HC ngày 20/6/2022 (QĐĐT) của UBND Tỉnh	399.077	70.000		70.000				360.000		48.486	290.000		21.514		Chương trình phục hồi kinh tế
	Nhóm C				47.144	0	0	0	0	0	0	26.400	0	18.400	0	0	8.000	0	
1	Bở kê Dinh Ông, xã Tân Thạnh	UBND huyện Thanh Bình	2022-2024	228/QĐUBND.HC ngày 18/7/2022 của UBND huyện	14.540	0						11.500		11.500					
2	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước sạch nông thôn khu vực Giồng Găng, xã Tân Phước - Cà Vang, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2023	722/QĐ-UBND-HC ngày 10/06/2021; 957/QĐ-UBND-HC ngày 25/8/2022 (ĐC QĐDA) của UBND Tỉnh	22.993	0						6.900		6.900					
3	Kè chống sạt lở tuyến đường Cái Mít (đoạn chân cầu Hòa Định) (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lai Vung	2021-2023	366/QĐ-UBND-XDCB ngày 05/11/2021 của UBND huyện	9.611	0						8.000					8.000		
b	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				731.944	264.000	264.000	0	0	0	0	337.000	264.000	9.100	0	38.900	0	25.000	
b.1	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				731.944	264.000	264.000	0	0	0	0	337.000	264.000	9.100	0	38.900	0	25.000	
	Nhóm C				637.179	264.000	264.000	0	0	0	0	312.000	264.000	9.100	0	38.900	0	0	
1	Cải tạo và nâng cấp đường Nguyễn Văn Voi (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2021-2023	1997/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện	28.567	0						28.000				28.000			
2	Đường Ngô Quyền (đoạn từ Trần Phú đến mương tiêu đề bao phía Nam) (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2022	53/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 10/3/2021 của UBND huyện	5.752	0						5.600		2.800		2.800			

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:					Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
3	Đường Phan Bội Châu (đoạn từ đường 502 đến đê bao phía Nam) (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	83/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 22/4/2021 của UBND huyện	5.838	0						5.700		2.200		3.500			
4	Đường Võ Thị Sáu (đoạn từ đường Nguyễn Văn Tiếp đến hàng rào Công an Huyện) (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Tân Hồng	2021-2023	84/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 22/4/2021 của UBND huyện	8.902	0						8.700		4.100		4.600			
5	Cải tạo hạ tầng đô thị khu vực Chợ Thường Thới	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2022	6134/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	9.025	8.400	8.400					8.000	8.000						
6	Cải tạo hạ tầng đô thị Đường Nguyễn Văn Phối	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2022	6133/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện	5.855	5.600	5.600					5.000	5.000						
7	Đường Đ-07	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2024	10866/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND huyện	31.481	17.000	17.000					25.000	25.000						
8	Đường ra bến phà Hồng Ngự - Tân Châu (Đ-01)	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2025	4394/QĐ-UBND ngày 19/10/2020; 13072/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND huyện	79.913	39.000	39.000					25.000	25.000						
9	Đường cấp chùa Phước Hưng (đoạn từ đường 30/4 đến đường Ngõ Quỳên)	UBND huyện Hồng Ngự	2021-2024	2184/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND huyện	32.642	30.000	30.000					20.000	20.000						
10	Cải tạo hạ tầng đô thị Khu hành chính huyện Hồng Ngự	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2023	4467/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện	14.962	0						12.000	12.000						
11	Đường 30/4 (mở rộng)	UBND huyện Hồng Ngự	2022-2023	1531/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND huyện	5.918	0						5.000	5.000						
12	Đường trục chính số 4, khóm Mỹ Thuận	UBND huyện Cao Lãnh	2022-2023	517/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND huyện	60.000	36.000	36.000					0	0						
13	Đường trục chính số 4, khóm Mỹ Phú Đất Liền	UBND huyện Cao Lãnh	2022-2023	372/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND huyện	39.000	0						30.000	30.000						
14	Trục đường vào khu đô thị mới đường Thống Linh	UBND huyện Cao Lãnh	2022-2023	519/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND huyện	27.000	18.000	18.000					24.000	24.000						
15	Khu đô thị mới	UBND huyện Lấp Vò	2022-2024	1236/QĐ-UBND.HC ngày 08/9/2021 của UBND huyện	30.400	10.000	10.000					0	0						

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:					Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
16	Khu dân cư phía Nam trung tâm xã Tân Khánh Trung	UBND huyện Lấp Vò	2022 - 2024	867/QĐ-UBND.HC ngày 01/11/2022 của UBND huyện	46.000	0						10.000	10.000						
17	Đường Đ-02 (từ QL 80 đến đường huyện lộ Phan Văn Bảy)	UBND huyện Lai Vung	2021- 2024	122/QĐ-UBND-XDCB ngày 20/7/2020 của UBND huyện	147.010	84.000	84.000					86.000	86.000						
18	Đường Phan Văn Bảy (đoạn tiếp giáp đường Đ-02 đến đường Ngô Gia Tự)	UBND huyện Lai Vung	2022- 2024	255/QĐ-UBND-XDCB ngày 09/9/2020 của UBND huyện	43.925	16.000	16.000					0	0						
19	Thăm bê tông nhựa nóng Khu hành chính và Cụm dân cư thị trấn Lai Vung	UBND huyện Lai Vung	2022- 2024	295/QĐ-UBND-XDCB ngày 11/9/2020 của UBND huyện	14.989	0						14.000	14.000						
	Nhóm B				94.765	0	0	0	0	0	0	25.000	0	0	0	0	0	25.000	
1	Đầu tư dự án Xứ lý sụt lún mặt đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Hoàng Diệu) và kết hợp chỉnh trang đô thị	UBND thành phố Sa Đéc	2021- 2023	QĐ 06/QĐ-UBND-XDCB ngày 14/01/2022 của thành phố Sa Đéc	94.765	0						25.000						25.000	
c	Giao thông				2.751.591	871.000	200.000	671.000	0	0	0	1.022.777	200.000	676.544	0	7.780	124.676	13.777	
c.1	Chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				58.421	0	0	0	0	0	0	8.900	0	0	0	0	8.900	0	
	Nhóm C				58.421	0	0	0	0	0	0	8.900	0	0	0	0	8.900	0	
1	Đường kết nối ĐT853 – ĐT908 (NS tỉnh hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2019- 2022	1907/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; 1440/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND huyện	58.421	0						8.900					8.900		
c.2	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				2.693.170	871.000	200.000	671.000	0	0	0	1.013.877	200.000	676.544	0	7.780	115.776	13.777	
	Nhóm C				513.381	109.000	0	109.000	0	0	0	251.877	0	154.170	0	7.780	76.150	13.777	
1	Đầu tư xây dựng công trình ĐH. Phú Thuận A	UBND huyện Hồng Ngự	2021- 2022	QĐ số 5982/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND huyện Hồng Ngự - QĐ số 1050a/QĐ-UBND ngày 10/03/2022 của UBND huyện Hồng Ngự (điều chỉnh)	56.626	0						13.777						13.777	
2	- Tuyến đường D-01 nối từ cụm công nghiệp Quảng Khánh đến Quốc lộ 30 tuyến tránh thành phố Cao Lãnh	BQL Khu kinh tế Đồng Tháp và Trung tâm Phát triển hạ tầng	2022- 2023	Số 404/QĐ-UBND.HC ngày 25/4/2022 của UBND Tỉnh	12.632	0						11.000		3.220		7.780	0		

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:					Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dự dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
3	Đường Tân Phú (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	667/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện	38.209	15.000		15.000				20.000		18.450			1.550		
4	Đường An Khánh - An Phú Thuận (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2020-2022	668/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện	34.728	10.000		10.000				17.600		10.690			6.910		
5	Nâng cấp đường Huyện đoạn từ Cái Tàu Hạ đến Xẻo Mát (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2021-2022	1224/QĐ- UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện	71.916	0						10.000		4.810		0	5.190		
6	Đường cạp rạch Cà Ngổ (bên phải) đến Rạch Chùa (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Châu Thành	2021-2023	497/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện	9.575	0						8.000		0		0	8.000		
7	Đường Huyện lộ số 3 (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lai Vung	2021-2023	365/QĐ-UBND-XDCB ngày 05/11/2021 của UBND huyện	68.797	0						37.000		18.000		0	19.000		
8	Đường ĐH.66 (từ cầu Đình Định Yên đến giao QL.80, xã Vĩnh Thạnh) (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lấp Vò	2022-2023	177/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	59.585	0						33.256		3.256		0	30.000		
9	Đường Sông tiền (đoạn từ cầu Hội Xuân đến Vàm Hội Xuân, xã An Hiệp)	UBND huyện Châu Thành	2021-2022	1313/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND Huyện	14.412	6.000		6.000				11.500		6.000		0	5.500		
10	Đường ĐH.65	UBND huyện Lấp Vò	2021-2023	723/QĐ-UBND.HC ngày 24/3/2021 của UBND Huyện	76.068	70.000		70.000				51.744		51.744		0	0		
11	Đường ĐH.67 (đoạn từ giao đường ĐH.65 đến giao đường ĐH.67B)	UBND huyện Lấp Vò	2022-2024	298/QĐ-UBND-HC ngày 13/4/2022 của UBND huyện	40.239	0						30.000		30.000		0	0		
12	Cầu Phú Nông	UBND huyện Tam Nông	2021-2023	1814/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020 của UBND huyện	10.546	4.000		4.000				0							
13	Cầu ranh Tam Nông - Tháp Mười	UBND huyện Tam Nông	2021-2023	1815/QĐ-UBND-HC ngày 18/12/2020 của UBND huyện	7.048	4.000		4.000				0							
14	Cầu trên tuyến đường bờ Nam kênh Tân Công Sinh 1 (Cầu kênh ranh Tân Công Sinh - Phú cường và Cầu kênh 1000)	UBND huyện Tam Nông	2023-2024	1432/QĐ-UBND-HC ngày 21/10/2022 của UBND huyện	13.000	0						8.000		8.000		0	0		
	Nhóm A				2.179.789	762.000	200.000	562.000	0	0	0	762.000	200.000	522.374	0	0	39.626	0	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao						Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025							Ghi chú
						Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó					Tổng số (vốn Tỉnh quản lý)	Trong đó:					Nguồn thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp địa phương	
							NSTT	XSKT	NSTW	Số dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		NSTT	XSKT	NSTW	Số dự toán năm 2020	Tăng thu XSKT năm 2020		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Xây dựng tuyến ĐT.857 (đoạn QL30-ĐT.845)	Sở Giao thông vận tải; Trung tâm Phát triển Quỹ đất (Sở Tài nguyên và Môi trường)	2021-2025	969/QĐ-UBND-HC ngày 19/07/2021; 1338/QĐ-UBND-HC ngày 07/09/2021 của UBND Tỉnh	2.179.789	762.000	200.000	562.000				762.000	200.000	522.374		0	39.626		
VI	Xã hội				9.959	0	0	0	0	0	0	8.000	0	0	0	8.000	0	0	
a	Khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				9.959	0	0	0	0	0	0	8.000	0	0	0	8.000	0	0	
	Nhóm C				9.959	0	0	0	0	0	0	8.000	0	0	0	8.000	0	0	
1	Nghĩa trang liệt sĩ xã Phong Hòa (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lai Vung	2021-2023	296/QĐ-UBND-XDCB ngày 13/10/2021 của UBND huyện	6.368	0						5.000				5.000			
2	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ 02 xã: Long Hưng A, Mỹ An Hưng B (NS tính hỗ trợ mục tiêu)	UBND huyện Lấp Vò	2021-2022	178/QĐ-UBND-HC ngày 25/01/2022 của UBND huyện	3.591	0						3.000				3.000			
VI	Chương trình mục tiêu Quốc gia				457.877							457.877	0	0	457.877	0	0	0	
1	Chương trình MTQG Nông thôn mới			Số 15/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND Tỉnh	443.620							443.620			443.620				
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững			Số 09/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND Tỉnh	14.257							14.257			14.257				
VIII	Thanh toán chi phí tất toán công trình				150.000	100.000	50.000	50.000				112.642	50.000	50.000		12.642			